

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

i. phá dỡ; nhà vệ sinh; nhà bán hàng; mái che cột bơm; sân bãi bê tông +mương thu nước; tháp nước; khu bồn bể

| Stt | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-----|--|---|--|
| | | Đạt | Không đạt |
| 1 | Tính hợp lý, khả thi của các giải pháp kỹ thuật thi công các hạng mục chính (Phá dỡ; nhà vệ sinh; nhà bán hàng; mái che cột bơm; sân bãi bê tông +mương thu nước; tháp nước; khu bồn bể...) | Giải pháp kỹ thuật được mô tả đủ chi tiết, không bỏ sót các nội dung cơ bản, hợp lý, khả thi, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Giải pháp kỹ thuật không được mô tả đủ chi tiết/bỏ sót các nội dung cơ bản/không hợp lý/ không khả thi/không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. |
| 2 | Tổ chức mặt bằng công trường: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, liên lạc trong quá trình thi công. | Tổ chức mặt bằng công trường được bố trí hợp lý, có bản vẽ minh họa, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Tổ chức mặt bằng công trường được bố trí hợp lý/thiếu có bản vẽ minh họa/không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. |
| 3 | Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công các hạng mục chính (Phá dỡ; nhà vệ sinh; nhà bán hàng; mái che cột bơm; sân bãi bê tông +mương thu nước; tháp nước; khu bồn bể...)theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật. | Đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công của các hạng mục chính được mô tả đủ chi tiết, có bản vẽ minh họa và không bỏ sót các nội dung cơ bản theo yêu cầu kỹ thuật. | Không đề xuất/đề xuất không được mô tả đủ chi tiết/thiếu bản vẽ minh họa/bỏ sót các nội dung cơ bản về biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công các hạng mục chính theo yêu cầu kỹ thuật. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4 | Đối với các vật tư, vật liệu chính (xi măng, cốt thép, cát...) | <p>Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc đảm bảo phải hợp lý, có tính khả thi trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có hợp đồng cung cấp vật tư, vật liệu thông qua đơn vị cung cấp trung gian thì trong hồ sơ dự thầu nhà thầu phải kèm theo hợp đồng giữa đơn vị cung cấp trung gian và đơn vị sản xuất, khai thác, cung cấp vật tư trực tiếp để chứng minh và kèm theo nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ tiêu chuẩn chất lượng của các loại vật tư cung cấp đảm bảo theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.</p> | <p>Nhà thầu không cung cấp được một trong các tài liệu sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc; hợp đồng nguyên tắc không đảm bảo tính khả thi, hợp lý trong quá trình thi công. - Trường hợp nhà thầu có hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị thông qua đơn vị cung cấp trung gian nhưng không có hợp đồng giữa đơn vị cung cấp trung gian và đơn vị sản xuất, khai thác, cung cấp vật tư trực tiếp |
| 5 | Tiến độ thực hiện | ≤ 60 ngày | > 60 ngày |
| 6 | Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi, đầy đủ thông tin về việc huy động nhân sự máy móc, phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý/không khả thi/thiếu thông tin về việc huy động nhân sự máy móc/không phù hợp với đề xuất kỹ thuật và yêu cầu của HSMT. |
| 7 | <p>Tính phù hợp:</p> <p>a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công;</p> <p>b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công</p> | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b) đối với từng hạng mục chính của công trình | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b) đối với từng hạng mục chính của công trình |
| 8 | Các biện pháp bảo đảm chất lượng các hạng mục chính (Phá dỡ; nhà vệ sinh; nhà bán hàng; mái che cột bơm; sân bãi bê | Biện pháp bảo đảm chất lượng được mô tả đủ chi tiết, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công đối | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc biện pháp bảo đảm chất lượng không được mô tả đủ chi tiết/không hợp lý/không khả thi/không phù |

| | | | |
|----|---|---|--|
| | tông +mương thu nước; tháp nước; khu bồn bể...) | với từng hạng mục chính của công trình | hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công đối với từng hạng mục chính của công trình |
| 9 | Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động. Riêng vị trí đổ thải phải có hợp đồng nguyên tắc đổ chất thải xây dựng với cơ quan, đơn vị quản lý bãi đổ phế thải xây dựng trong đó xác định cụ thể vị trí, địa điểm đổ thải đã được cơ quan có thẩm quyền (phù hợp với phân cấp của UBND tỉnh) cho phép | Có biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy và an toàn lao động hợp lý, khả thi. Vị trí bãi thải được Nhà thầu nêu rõ có tính khả thi, đã được cơ quan có thẩm quyền (phù hợp với phân cấp của UBND tỉnh) cho phép, đồng thời phải có hợp đồng nguyên tắc/văn bản cho phép đổ chất thải xây dựng với cơ quan có thẩm quyền (phù hợp với phân cấp của UBND tỉnh) cho phép | Không có biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy và an toàn lao động hợp lý, khả thi. Không xác định cụ thể địa điểm, vị trí đổ phế thải hoặc xác định vị trí bãi thải không được cấp có thẩm quyền cho phép hoặc bãi thải không có tính khả thi, hợp lý với khu vực đang thi công hoặc không có hợp đồng nguyên tắc với cơ quan, đơn vị quản lý bãi đổ phế thải xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền (phù hợp với phân cấp của UBND tỉnh) cho phép. |
| 10 | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | ≥ 12 tháng kể từ khi bàn giao đưa vào sử dụng | <12 tháng kể từ khi bàn giao đưa vào sử dụng |
| 11 | Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó. Uy tín tham gia hoạt động đấu thầu trong thời gian 3 năm trở lại đây. | Có cam kết của nhà thầu về việc không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu; Không bị các Chủ đầu tư, Bên mời thầu cấm tham gia hoạt động đấu thầu hoặc xử lý vi phạm về đấu thầu trong thời gian 3 năm trở lại đây. | Không có cam kết của nhà thầu hoặc có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu; Đã từng bị các Chủ đầu tư, bên mời thầu cấm tham gia hoạt động đấu thầu hoặc xử lý vi phạm về đấu thầu trong thời gian 3 năm trở lại đây. |

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí

chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.